| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập -Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-PT
Ngày 25/6/2019
V/v: *"Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Ý

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Văn Khoa

Ông Phạm Văn Công

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2017/HNGĐ-PT ngày 27/10/2017, về việc: "Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 33/2017/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1061/2019/QĐPT-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Phan Văn K, sinh năm 1945 (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 23 AV De LA Resistance BTD. 06140 Vence (Cộng Hòa Pháp).

Địa chỉ tạm trú: Số 277A, ấp TB, xã LBĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Bà Trương Bích Thủy, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp TB, xã LBĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang (có đơn xin xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Ông Bùi Lưu Lạc, Luật sư của Văn phòng Luật sư Lạc Huy, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt)

- *Bị đơn*: Phạm Thị M, sinh năm 1951.

Địa chỉ: khu phố Lăng 1, thị trấn VL, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Bà Lê Thị Bé Năm, sinh năm 1954.

Địa chỉ: THĐ, tổ B, khu phố B, phường S, TP. MT, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2016) có mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Phan Văn K, sinh năm 1945.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông Phan Văn K trình bày:*

Các quyết định về hôn nhân của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, ông thống nhất, đồng ý ly hôn với bà M. Riêng đối với phần tài sản là chiếc ghe cào mà bà M yêu cầu ông chia, ông không đồng ý chia với lý do sau:

- Chiếc ghe cào đã mất do trường hợp bất khả kháng, không còn tồn tại trong thời kỳ hôn nhân.

- Giấy xác nhận của ông Đức mà phía bị đơn cung cấp không mang tính chất khách quan; Ông Đức từ trước đến nay không biết kết cấu chiếc ghe này như thế nào, kể cả bà M cũng không biết kết cấu chiếc ghe.

- Chiếc ghe cào ông mua của ai, vào thời điểm năm nào ông không nhớ; ông chỉ nhớ chiếc ghe cào tại thời điểm ông lấy đi vượt biên giá trị còn lại khoảng 20% nhưng là gỗ tạp chấp vá nhiều nơi, động cơ máy chỉ có cái hiệu Yamaha nhưng ruột bên trong đều là sửa chữa cải tiến phụ tùng là đồ Việt Nam và đồ cũ của máy khác, mỗi lần ông đi biển chỉ đánh bắt gần bờ, sáng đi chiều về sửa chữa, vấn đề này bà M không hề biết; còn khi ông đi vượt biên thì ghe gỗ tạp cũ nát và một cái phao trên ghe nặng khoảng 10 kg cũng cũ nát, lúc đi thì ghe chở được khoảng 30 người đi cùng, có khoảng 10 người lớn và 20 trẻ em, chiều dài chiếc ghe khoảng 10m.

- Bà M yêu cầu chia đôi chiếc ghe cào nhưng cũng không biết gì về chiếc ghe, chỉ phăng dựa vào lời khai hướng dẫn của người khác và những người khác thì không nhìn thấy chiếc ghe cào của ông.

Do đó, ông không đồng ý chia ½ giá trị chiếc ghe cào là 6,5 lượng vàng 24kr theo yêu cầu bà M. Ông chỉ đồng ý chia giá trị chiếc ghe cào là 0,5 lượng vàng 24k cho bà M (vì giá trị chiếc ghe chỉ có 01 lượng vàng).

*Bị đơn bà Phan Thị M, người đại diện do được ủy quyền bà Lê Thị Bé N trình bày:*

Các quyết định của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, bà thống nhất không ý kiến. Riêng đối với tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bà yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản là chiếc ghe cào. Chiếc ghe có kết cấu như sau:

- 01 máy yanmar 03 đầu xanh 20 mã lực.

- 03 miệng cào, 04 miệng te.

- Lúc ông K lấy ghe đi trị giá chiếc ghe còn khoảng 80%-90%.

- Ghe được đóng bằng gỗ sao.

- Các thiết bị chi tiết khác để phục vụ cho việc đi đánh cá gồm bình ắc quy, phao cứu hộ, neo, cần lái, đèn pin.

Nay bà M chỉ đòi giá trị ghe gồm vỏ ghe, máy yanmar, miệng cào, miệng te. Yêu cầu ông K chia cho bà M ½ giá trị chiếc ghe cào tương đương khoảng 6,5 lượng vàng 24kr (giá trị chiếc ghe khoảng 13 lượng vàng 24kr).

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2017/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã Áp dụng Điều 33; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 305 Bộ Luật dân sự; Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà Phạm Thị M.

Buộc ông Phan Văn K có nghĩa vụ chia cho bà Phạm Thị M ½ giá trị chiếc ghe cào với số tiền là 302.406.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/8/2017 ông Phan Văn K kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ đơn yêu cầu của bà Phạm Thị M. Ngày 22/8/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang kháng nghị sửa án theo hướng chấp nhận lời thừa nhận của ông Phan Văn K.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi cho ông K không đồng ý chia cho bà M giá trị ½ chiếc ghe cào, vì ông K vượt biên đi nước ngoài lo kinh tế cho gia đình, chiếc ghe hiện không còn, cấp sơ thẩm thu thập nhưng không xác định ghe như thế nào trị giá bao nhiêu nên không có căn cứ để chia cho bà M. Do đó, sửa án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà M.

Người đại diện hợp pháp của bà M cho rằng ông K đã thừa nhận lấy chiếc ghe cào là tài sản chung của vợ chồng để vượt biên, chở theo 30 người. Nay ông K phải chia ½ trị giá chiếc ghe như cấp sơ thẩm xét xử là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ quyết định kháng nghị ngày 22/8/2017, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Đồng thời cho rằng cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật, đề nghị bác đơn kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Xét đơn kháng cáo của ông Phan Văn K và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đúng quy định của pháp luật nên xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, nên đình chỉ xét xử phúc thẩm.

- Xét đơn kháng cáo của ông Phan Văn K thì thấy:

[1]. Cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hôn nhân và gia đình về việc: "Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn", ông Phan Văn K là đương sự người nước ngoài, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, được qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Năm 1967, ông Phan Văn K và bà Phạm Thị M sống chung và có năm người con chung; năm 1985 ông Phan Văn K và bà Phạm Thị M mua một chiếc ghe cào dùng để đánh bắt hải sản, năm 1986 ông Phan Văn K dùng chiếc ghe cào của vợ chồng vượt biên cùng với 30 người khác, hiện chiếc ghe cào không còn. Như vậy chiếc ghe cào là tài sản chung của vợ chồng ông Phan Văn K và bà Phạm Thị M là có căn cứ.

[3]. Nay ông Phan Văn K và bà Phạm Thị M đã ly hôn, bà Phạm Thị M yêu cầu ông Phan Văn K chia trị giá ½ chiếc ghe cào là phù hợp. Cấp sơ thẩm đã yêu cầu hai bên đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến chiếc ghe cào; đến nay cả hai bên đều không cung cấp được giấy tờ mua bán ghe, để xác định ghe loại gì, có công suất, mã lực và số tiền mua là bao nhiêu…? Hiện nay chiếc ghe không còn, cấp sơ thẩm dựa vào lời khai của bà Phạm Thị M cho rằng chiếc ghe mua năm 1985, loại máy Yanmar 03 lốc đầu xanh 20 mã lực, ghe đóng bằng gỗ sao, ghe có 03 miệng cào, 04 miệng te, Công ty Cổ phần thẩm định giá BTCV ALUE thẩm định giá chiếc ghe đóng mới là 1.147.183.000 đồng và theo lời khai của ông Phan Văn K thì chiếc ghe đóng mới là 580.850.000 đồng, để lấy giá trị bình quân của chiếc ghe còn trị giá 70%, để tính ông Phan Văn K phải chia cho bà Phạm Thị M {[(1.147.183.000 đồng + 580.850.000 đồng):2]x70%}:2 = 302.406.000 đồng là phù hợp.

Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phan Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Phan Văn K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 33; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/NQ ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phan Văn K; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà Phạm Thị M.

Buộc ông Phan Văn K có nghĩa vụ chia cho bà Phạm Thị M ½ giá trị chiếc ghe cào với số tiền là 302.406.000đ (ba trăm lẻ hai triệu, bốn trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Phạm Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Văn K chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần tiền lãi, theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị M phải chịu 15.120.000đ (mười lăm triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng)

Hoàn lại cho ông Phan Văn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 001229 ngày 18/6/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn K phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 002089 ngày 10/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2019.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Khoa Phạm Văn Công** **Đặng Văn Ý**

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tiền Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
- NĐ; (1)
- BĐ; (1)
- Lưu VP (3). HS (2). 13b (Án-22)

**Đặng Văn Ý**